TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2020
V/v Ly hôn giữa chị H và anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thạch Út

Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 227/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 185/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị V T H, sinh ngày 17-02-1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh L V K, sinh ngày 25-5-1985 (vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 02, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Tạm trú: Số nhà 300, ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 14-8-2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị V T H trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh L V K kết hôn năm 2009, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang số 283/KH

Quyển số 01/2009 ngày 29-10-2009. Thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh K hay nhậu, quậy phá, ghen tuông chửi bới. Hiện tại vợ chồng không còn hòa hợp nên chị xin ly hôn anh L V K.

+Về con chung: Có 02 con chung tên L C T, sinh ngày 13-8-2009 và L Q D, sinh ngày 29-11-2012. Hiện chị đang nuôi con. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L V K, nhưng anh K vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-10-2019, bà N T M trình bày: Bà là mẹ ruột của V T H. Do K ghen tuông vô cớ, K thường hay uống rượu, khi có rượu vào thường hay đánh đập vợ nên H xin ly hôn K. Hai bên cha mẹ có tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng K không sửa đổi tính tình. H và K sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. K sống nhà cha mẹ ruột tại số nhà 300, ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang. Bà cũng muốn H và K đoàn tụ nhưng K không sửa đổi tính tình thì theo bà nghỉ sớm muộn gì thì H cũng tiếp tục làm đơn xin ly hôn K nữa thôi; cái nết không sửa được nên bà nghỉ H và k không thể đoàn tụ. K có về thăm con vào cuối tuần và nói với bà và H là rước 2 con về thăm nội. H có nhờ bà phụ tiếp nấu cơm cho cháu ngoại ăn đi học, tiền H gửi về nuôi con; thiếu đủ bà phụ tiếp. Bà không yêu cầu H, K phải trả chi phí bà phụ tiếp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-10-2019, cháu L C T trình bày: Cháu tên L C T, cháu sinh ngày 13-8-2009, cháu đang sống với mẹ và bà ngoại, cháu có đi học, cháu học lớp 5 trường Tiểu học A V H, xã V H. Cha cháu tên L V K, cháu chỉ biết cha sống với bà nội. Cha cháu có về thăm con thứ 7 và chủ nhật. Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-10-2019, cháu L Q D trình bày: Cháu tên L Q D, cháu đang sống với mẹ và bà ngoại, cháu có đi học, cháu học lớp 2 trường Tiểu học A V H, xã V H. Cháu chỉ biết cha sống với bà nội. Cha cháu có về thăm con thứ 6 và chủ nhật. Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn chị V T H, bị đơn anh L V K, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị H và bị đơn anh K.

[2] *Về hôn nhân:* Chị V T H và anh L V K kết hôn năm 2009. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang số 283/KH Quyển số 01/2009 ngày 29-10-2009 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị H và anh K nhưng anh K không tham gia hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-10-2019, bà N T M là mẹ ruột của chị H trình bày H – K không sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay, không có khả năng đoàn tụ. Từ khi sống ly thân đến nay chị H và anh K không ai có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị H được ly hôn với K là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị V T H và anh L V K có 02 con chung. Chị H đang nuôi con. Anh K không tranh chấp nuôi con.

Xét thấy: Cháu T và cháu D hiện đang sống với chị H, chị H nuôi 2 cháu chu đáo, 2 cháu được đi học, 2 cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với chị H khi chị H và anh K ly hôn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của 2 cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp.

Chị V T H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh L V K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh L V K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của anh K theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị V T H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh L V K không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Chị V T H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L V K không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị V T H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L V K không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn chị V T H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004426 ngày 11-9-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn chị V T H, bị đơn anh L V K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân:* Chị V T H được ly hôn với anh L V K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 283/KH Quyển số 01/2009 ngày 29-10-2009 của Ủy ban nhân dân xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung:* Chị V T H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên L C T, sinh ngày 13-8-2009 và L Q D, sinh ngày 29-11-2012.

Chị V T H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh L V K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh L V K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của anh K theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị V T H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004426 ngày 11-9-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị V T H, bị đơn anh L V K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.